

**THÔNG BÁO**  
**TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ LỄ KHAI MẠC VÀ KỶ XÉT TUYỂN**  
**VIÊN CHỨC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NĂM 2022**

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-CVMB ngày 15/6/2022 của Giám đốc Cảng vụ hàng không miền Bắc về việc công nhận danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022 thông báo triệu tập thí sinh tham dự lễ khai mạc và kỳ xét tuyển viên chức năm 2022, cụ thể:

**I. THÀNH PHẦN**

Toàn bộ thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022 (Có danh sách kèm theo).

**II. HÌNH THỨC THI VÒNG 2**

- Hình thức thi: Thi phỏng vấn môn nghiệp vụ chuyên ngành.
- Thời gian thi: 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị).

**III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM**

**1. Lễ khai mạc**

- Thời gian: 08h30' ngày 23/6/2022.
- Địa điểm: Trường Cán bộ Thanh tra, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**2. Kỳ xét tuyển viên chức**

- Thời gian thi Vòng 2: Ngày 24/6/2022:
  - + Làm thủ tục dự thi (thí sinh nhận phòng thi, xem số báo danh): 07h00'.
  - + Gọi thí sinh vào phòng thi: Từ 07h30'.
- Địa điểm: Trường Cán bộ Thanh tra, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

\* Lưu ý khi tham dự Lễ khai mạc và kỳ xét tuyển viên chức: Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

**IV. THU PHÍ TUYỂN DỤNG**

**1. Phí tuyển dụng:** 500.000 VNĐ/thí sinh.

**2. Nộp phí tuyển dụng**

Thí sinh nộp phí tuyển dụng **chậm nhất trước khi tổ chức Lễ khai mạc kỳ xét tuyển viên chức** theo thời gian và địa điểm như sau:

- Từ ngày 16/6/2022 đến hết ngày 22/6/2022 (các ngày làm việc trong tuần, sáng từ 08h00' - 12h00', chiều từ 13h00' - 16h00') tại phòng Kế hoạch - Tài chính, tầng 2, trụ sở Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024.3886.6766.

- Từ 07h30' - 08h30' ngày 23/6/2022 tại Trường Cán bộ Thanh tra, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

\* **Lưu ý:** Thí sinh mang theo:

- Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân.
- Phiếu giao nhận hồ sơ tuyển dụng viên chức.

## V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thí sinh tham khảo “Danh mục tài liệu tham khảo xét tuyển viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022” gửi kèm Thông báo này.

Đề nghị thí sinh tham dự lễ khai mạc và kỳ xét tuyển viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022 đầy đủ, đúng giờ.

Trân trọng !

### Nơi nhận:

- Cục HKVN (để báo cáo);
- Giám đốc (để b/c);
- Hội đồng tuyển dụng;
- Các Ban, Tổ thư ký giúp việc;
- Thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển;
- Lưu: VT, HĐTD. (Thao.xbn)

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**  
**CHỦ TỊCH** *ll*



**Phó Giám đốc Cảng vụ HKMB**  
**Nguyễn Thị Thanh Phương**



HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC  
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC  
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NĂM 2022

(Xếp thứ tự theo văn A, B, C... theo vị trí tuyển dụng)

(Kèm theo Thông báo số 606/TB-HĐTD ngày 15/6/2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Cảng vụ hàng không miền Bắc năm 2022)

| TT   | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh |    | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo)                              | Tên trường                 | Ngoại ngữ    | Tin học                             | Đối tượng<br>ưu tiên |
|--|-----------------|---------------------|----|--|----------------------------|--------------|-------------------------------------|----------------------|
|  |                 | Nam                 | Nữ |  |                            |              |                                     |                      |
| <b>1. Phòng Giám sát An toàn hàng không: Vị trí Giám sát An toàn hàng không (03 chỉ tiêu): 05 thí sinh</b> |                 |                     |    |  |                            |              |                                     |                      |
| 1  | Lê Đức Anh      | 03/10/1998          |    | Kỹ sư Công nghệ tự động/ Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá                | Đại học Điện lực           | TOEIC 580    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 2  | Nguyễn Minh Đức | 26/08/1999          |    | Kỹ sư Kỹ thuật điện tử và tin học công nghiệp/ Kỹ thuật điện - điện tử               | Đại học Giao thông vận tải | TOEIC 490    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 3  | Phạm Minh Đức   | 15/11/1994          |    | - Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy/ Kỹ thuật cơ khí<br>- Thạc sĩ khoa học Kỹ thuật cơ khí | Đại học Bách khoa Hà Nội   | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 4  | Nguyễn Đức Hải  | 15/09/1999          |    | Kỹ sư Công nghệ, kỹ thuật điện tử viễn thông/ Công nghệ, kỹ thuật điện tử viễn thông | Học viện Hàng không        | TOEIC 530    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |

ac

| TT   | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo)             | Tên trường   | Ngoại ngữ       | Tin học                             | Đối tượng<br>ưu tiên |
|--|------------------|---------------------|------------|---|--|-----------------|-------------------------------------|----------------------|
|  |                  | Nam                 | Nữ         |   |  |                 |                                     |                      |
| 5  | Nguyễn Đức Tùng  | 07/11/1995          |            | Kỹ sư Điện tử viễn thông/ Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông | Đại học Điện lực   | TOEIC 935       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| <b>2. Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay: Vị trí Quản lý cảng hàng không, sân bay (02 chỉ tiêu): 04 thí sinh</b> |                  |                     |            |   |  |                 |                                     |                      |
| 1  | Nguyễn Hoài An   | 29/09/1997          |            | Kỹ sư Xây dựng đường bộ/ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông    | Đại học Giao thông vận tải   | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 2  | Phan Anh Giáp    | 12/02/1994          |            | Kỹ sư Quản lý đất đai   | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội                                      | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Con bệnh binh        |
| 3  | Phùng Quang Huấn | 15/05/1986          |            | - Kỹ sư Quản lý đất đai<br>- Thạc sĩ Quản lý đất đai                | - Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội<br>- Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Con bệnh binh        |
| 4  | Phạm Quốc Phương | 28/02/1998          |            | Kỹ sư Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ                        | Đại học Phòng cháy chữa cháy   | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| <b>3. Phòng Pháp chế - Thanh tra: Vị trí Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không (03 chỉ tiêu): 33 thí sinh</b> |                  |                     |            |   |  |                 |                                     |                      |
| 1  | Hoàng Minh Chí   |                     | 20/01/1997 | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội  | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Dân tộc Nùng         |
| 2  | Nguyễn Thuỳ Dung |                     | 01/08/1998 | Cử nhân Luật học  | Đại học Luật Hà Nội  | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Dân tộc Thái         |
| 3  | Nguyễn Quỳ Dực   | 01/01/1998          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội  | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |

| TT | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường                | Ngoại ngữ       | Tin học                                | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|-------------------------|---------------------|------------|---|---------------------------|-----------------|--|----------------------|
|    |                         | Nam                 | Nữ         |   |                           |                 |  |                      |
| 4  | Đinh Thị Dương          |                     | 01/7/1997  | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội   | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản | Dân tộc<br>Mường     |
| 5  | Trịnh Đăng Dương        | 16/02/1999          |            | Cử nhân Pháp luật dân sự/ Luật                          | Học viện An ninh nhân dân | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 6  | Hà Hương Giang          |                     | 30/09/1999 | Cử nhân Luật kinh tế                                    | Đại học Luật, Đại học Huế | TOEIC 465       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 7  | Lý Hải Hà               |                     | 15/11/1991 | Thạc sĩ Luật kinh doanh quốc tế                         | Trường Anglia Ruskin      | IELTS 6.0       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 8  | Hoàng Thu Hằng          |                     | 13/11/1997 | Cử nhân Luật kinh tế                                    | Đại học Mở Hà Nội         | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 9  | Vũ Hoàng Hiệp           | 17/11/1997          |            | Cử nhân Luật hình sự/Luật                               | Học viện An ninh nhân dân | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 10 | Vũ Trung Hiếu           | 11/11/1999          |            | Cử nhân Luật kinh tế                                    | Đại học Thương mại Hà Nội | TOEIC 490       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 11 | Nguyễn Đức Hòa          | 19/03/1997          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội   | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 12 | Phạm Thị Hồng           |                     | 10/02/1997 | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội   | Tiếng Anh bậc 4 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 13 | Nguyễn Thị Lan<br>Hương |                     | 20/11/1995 | Cử nhân Luật  | Đại học Công đoàn         | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |



| TT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo)                        | Tên trường  | Ngoại ngữ       | Tin học                                | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|-----------------------|---------------------|------------|--|---|-----------------|--|----------------------|
|    |                       | Nam                 | Nữ         |  |   |                 |  |                      |
| 14 | Tổng Nhật Huy         | 08/06/1996          |            | Cử nhân Luật   | Đại học Kiểm sát Hà Nội                                       | TOEIC 555       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 15 | Trương Quang<br>Khải  | 07/11/1994          |            | - Cử nhân Luật kinh tế/ Luật<br>- Thạc sĩ Luật hiến pháp và Luật<br>hành chính | - Viện Đại học Mở Hà Nội<br>- Học viện Hành chính Quốc<br>gia | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 16 | Lê Khanh              | 06/11/1989          |            | - Cử nhân Luật kinh tế<br>- Thạc sĩ Luật kinh tế                               | Viện Đại học Mở Hà Nội  | TOEIC 605       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 17 | Nguyễn Hải Lê         |                     | 31/10/1999 | Cử nhân Luật quốc tế   | Học viện Ngoại giao   | TOEIC 605       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 18 | Nguyễn Mai Linh       |                     | 22/03/1998 | Cử nhân Luật   | Đại học Công đoàn   | TOEIC 560       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 19 | Tạ Khánh Linh         |                     | 26/8/1999  | Cử nhân Luật   | Đại học Kiểm sát Hà Nội                                       | Tiếng Anh bậc 4 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 20 | Trần Hà Linh          |                     | 16/8/2000  | Cử nhân Luật học   | Khoa Luật - Đại học Quốc gia<br>Hà Nội                        | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 21 | Trần Đức Long         | 06/11/1996          |            | Cử nhân Luật dân sự/ Luật  | Học viện An ninh nhân dân                                     | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 22 | Đỗ Thị Nga            |                     | 16/6/1998  | Cử nhân Luật   | Đại học Luật Hà Nội   | TOEIC 845       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 23 | Trần Thị Thanh<br>Nga |                     | 17/11/1997 | Cử nhân Luật   | Đại học Kiểm sát Hà Nội                                       | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |

| TT | Họ và tên                | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường   | Ngoại ngữ                    | Tin học                                  | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|--------------------------|---------------------|------------|---|--|------------------------------|--|----------------------|
|    |                          | Nam                 | Nữ         |   |  |                              |  |                      |
| 24 | Ngô Kim Ngân             |                     | 10/8/1998  | Cử nhân Luật  | Đại học Công đoàn                                    | TOEIC 710                    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   |                      |
| 25 | Phan Quốc Nghiệp         | 15/11/1995          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội                              | Cử nhân Sư phạm<br>Tiếng Anh | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   |                      |
| 26 | Nguyễn Hồng Sơn          | 16/9/1996           |            | - Cử nhân Luật hình sự/Luật<br>- Thạc sĩ Luật kinh tế   | - Học viện An ninh nhân dân<br>- Đại học Luật Hà Nội | TOEFL iBT 87                 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   |                      |
| 27 | Dương Thị Phương<br>Thảo |                     | 01/6/1999  | Cử nhân Luật  | Đại học Luật Hà Nội                                  | Tiếng Anh B1                 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   |                      |
| 28 | Hoàng Thị Thuần          |                     | 09/6/1998  | Cử nhân Luật Kinh tế                                    | Đại học Luật Hà Nội                                  | Tiếng Anh bậc 4              | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   | Dân tộc Cao<br>Lan   |
| 29 | Trần Thị Trinh           |                     | 10/01/1998 | Cử nhân Luật học  | Khoa Luật - Đại học Quốc gia<br>Hà Nội               | Tiếng Anh bậc 4              | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   |                      |
| 30 | Đỗ Minh Tú               | 15/01/1997          |            | Cử nhân Tư pháp hình sự/ Luật                           | Học viện Cảnh sát nhân dân                           | Tiếng Anh bậc 3              | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin nâng cao |                      |
| 31 | Nông Thị Tuyết           |                     | 24/10/1997 | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội                              | Tiếng Anh bậc 3              | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản   | Dân tộc Tày          |

| TT  | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo)                        | Tên trường   | Ngoại ngữ       | Tin học                             | Đối tượng<br>ưu tiên |
|---|-----------------------|---------------------|------------|--|--|-----------------|-------------------------------------|----------------------|
|   |                       | Nam                 | Nữ         |  |  |                 |                                     |                      |
| 32  | Nguyễn Thanh Vân      |                     | 27/05/1990 | - Cử nhân Luật<br>- Thạc sĩ Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật/ Luật học | - Đại học Luật Hà Nội<br>- Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 33  | Khổng Trường Túc Vinh | 17/3/1999           |            | Cử nhân Luật   | Học viện Toà án  | TOEIC 915       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| <b>4. Phòng Tổ chức - Hành chính (03 chỉ tiêu): 01 thí sinh</b>   |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| <b>4.1. Vị trí Văn thư - Lưu trữ (02 chỉ tiêu): 00 thí sinh</b>   |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| <b>4.2. Vị trí Công nghệ thông tin (01 chỉ tiêu): 01 thí sinh</b> |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| 1   | Nguyễn Quang Thảo     | 02/8/1999           |            | Cử nhân tin học tài chính kế toán/ Hệ thống thông tin quản lý                  | Học viện tài chính   | Tiếng Anh bậc 4 | Cử nhân                             |                      |
| <b>5. Phòng Kế hoạch - Tài chính: (03 chỉ tiêu): 15 thí sinh</b>  |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| <b>5.1. Vị trí Kế hoạch - Đầu tư (01 chỉ tiêu): 01 thí sinh</b>   |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| 1   | Nguyễn Thị Thu Trang  |                     | 18/8/1990  | Cử nhân Kế hoạch/Kinh tế   | Đại học Kinh tế Quốc dân                                       | TOEIC 490       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| <b>5.2. Vị trí Kế toán (02 chỉ tiêu): 14 thí sinh</b>             |                       |                     |            |  |  |                 |                                     |                      |
| 1   | Nghiêm Thị Kim Anh    |                     | 20/07/1995 | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp/ Tài chính ngân hàng                            | Đại học Kinh tế Quốc dân                                       | TOEIC 800       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 2   | Nguyễn Việt Anh       | 22/07/1995          |            | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng/ Kinh tế   | Học viện Tài chính   | TOEIC 600       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |



| TT | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường                                | Ngoại ngữ       | Tin học                                | Đối tượng<br>ưu tiên  |
|----|------------------------|---------------------|------------|---|---|-----------------|--|---|
|    |                        | Nam                 | Nữ         |   |   |                 |  |   |
| 3  | Hoàng Công Biển        | 07/11/1995          |            | Cử nhân Tài chính ngân hàng                             | Học viện Tài chính                        | TOEFL iBT 79    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 4  | Nguyễn Hương<br>Giang  |                     | 21/09/1999 | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp/ Tài<br>chính ngân hàng  | Học viện Tài chính                        | TOEIC 730       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 5  | Dương Thị Kim<br>Hương |                     | 03/08/1984 | Cử nhân Kế toán   | Viện Đại học Mở Hà Nội                    | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 6  | Thái Ngọc Khánh        |                     | 10/06/1989 | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp/ Tài<br>chính ngân hàng  | Học viện Tài chính                        | TOEIC 620       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 7  | Vũ Thị Mai Linh        |                     | 13/10/1994 | Cử nhân Tài chính quốc tế/ Tài chính<br>ngân hàng       | Học viện Tài chính                        | TOEIC 605       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 8  | Lưu Cẩm Nhung          |                     | 05/10/1999 | Cử nhân Tài chính ngân hàng                             | Đại học Ngoại thương                      | Tiếng Anh bậc 4 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 9  | Đỗ Thị Lan Phương      |                     | 18/03/1995 | Cử nhân Ngân hàng thương mại/ Tài<br>chính ngân hàng    | Học viện Ngân hàng                        | TOEIC 500       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 10 | Đào Quý Thanh          |                     | 06/03/1994 | Cử nhân Tài chính ngân hàng/ Tài<br>chính ngân hàng     | Đại học Điện lực                          | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |   |
| 11 | Đình Đình Trinh        | 26/02/1991          |            | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp/ Tài<br>chính ngân hàng  | Đại học Kinh tế - Kỹ thuật<br>công nghiệp | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản | Con đẻ của<br>người hoạt<br>động kháng<br>chiến bị nhiễm<br>chất độc hoá<br>học |

| TT | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường                            | Ngoại ngữ       | Tin học                             | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|---------------------|---------------------|------------|---|---------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------|
|    |                     | Nam                 | Nữ         |   |                                       |                 |                                     |                      |
| 12 | Nguyễn Công Tùng    | 05/05/1998          |            | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp/ Tài chính ngân hàng     | Đại học Tài chính quản trị kinh doanh | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 13 | Hạng A Vừ           | 06/09/1987          |            | Cử nhân Kế toán   | Viện Đại học Mở Hà Nội                | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Dân tộc Mông         |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Yến |                     | 27/10/1998 | Cử nhân Kế toán   | Học viện Tài chính                    | TOEIC 795       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |

**6. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không Cát Bi (02 chỉ tiêu): 03 thí sinh**

**6.1. Vị trí Giám sát An toàn hàng không (01 chỉ tiêu): 01 thí sinh**

|   |                 |            |  |   |                           |           |                                     |  |
|---|-----------------|------------|--|---|---------------------------|-----------|-------------------------------------|--|
| 1 | Lương Xuân Hiếu | 16/07/1996 |  | Kỹ sư Kỹ thuật cơ điện tử/<br>Kỹ thuật cơ khí | Đại học Hàng Hải Việt Nam | TOEIC 605 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |  |
|---|-----------------|------------|--|---|---------------------------|-----------|-------------------------------------|--|

**6.2. Vị trí Quản lý cảng hàng không, sân bay (01 chỉ tiêu): 02 thí sinh**

|   |                |            |  |   |                            |                   |                                     |  |
|---|----------------|------------|--|---|----------------------------|-------------------|-------------------------------------|--|
| 1 | Lưu Hồng Giang | 14/07/1972 |  | Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp          | Đại học Hải Phòng          | Cử nhân Tiếng Anh | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |  |
| 2 | Vũ Văn Nam     | 25/12/1986 |  | Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Đại học Giao thông vận tải | Tiếng Anh B1      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |  |

**7. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không Điện Biên (04 chỉ tiêu): 06 thí sinh**

**7.1. Vị trí Giám sát An toàn hàng không (01 chỉ tiêu): 00 thí sinh**

**7.2. Vị trí Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không (01 chỉ tiêu): 06 thí sinh**

|   |           |            |  |              |                         |              |                                     |              |
|---|-----------|------------|--|--------------|-------------------------|--------------|-------------------------------------|--------------|
| 1 | Thào A Ái | 04/05/1997 |  | Cử nhân Luật | Đại học Kiểm sát Hà Nội | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Dân tộc Mông |
|---|-----------|------------|--|--------------|-------------------------|--------------|-------------------------------------|--------------|

| TT | Họ và tên      | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường                                | Ngoại ngữ    | Tin học                                | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|----------------|---------------------|------------|---|---|--------------|--|----------------------|
|    |                | Nam                 | Nữ         |   |   |              |  |                      |
| 2  | Lê Tiến Anh    | 26/08/1999          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội                   | Tiếng Anh B2 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản | Dân tộc Thái         |
| 3  | Đặng Hải Biên  | 04/09/1996          |            | Cử nhân Luật kinh tế                                    | Đại học Kinh doanh và Công<br>nghệ Hà Nội | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 4  | Tạ Lộc Linh    | 02/10/1997          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Công đoàn                         | TOEIC 505    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 5  | Lý A Páo       | 08/12/1996          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội                   | Tiếng Anh B2 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản | Dân tộc Mông         |
| 6  | Bùi Thảo Trang |                     | 30/10/1999 | Cử nhân Luật  | Đại học Luật Hà Nội                       | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |

**7.3. Vị trí Quản lý cảng hàng không, sân bay (02 chỉ tiêu): 00 thí sinh**

**8. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn (06 chỉ tiêu): 08 thí sinh**

**8.1. Vị trí Giám sát An toàn hàng không (02 chỉ tiêu): 00 thí sinh**

**8.2. Vị trí Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không (02 chỉ tiêu): 08 thí sinh**

|   |                  |            |            |  |                              |                 |  |  |
|---|------------------|------------|------------|--|------------------------------|-----------------|--|--|
| 1 | Lã Hải An        |            | 13/03/1997 | - Cử nhân Luật<br>- Thạc sĩ Luật dân sự và tổ tụng dân<br>sự | Đại học Luật Hà Nội          | TOEIC 680       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |  |
| 2 | Lã Nam Anh       | 26/03/1997 |            | Cử nhân Luật   | Đại học Kiểm sát Hà Nội      | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |  |
| 3 | Nguyễn Ngọc Hiếu | 18/10/1999 |            | Cử nhân Luật   | Đại học Luật Hà Nội          | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |  |
| 4 | Phi Phi Hoàng    | 18/04/1994 |            | Thạc sĩ Luật hiến pháp và Luật hành<br>chính                 | Học viện Hành chính quốc gia | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |  |



| TT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo) | Tên trường  | Ngoại ngữ       | Tin học                                | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|-----------------------|---------------------|------------|---|---|-----------------|--|----------------------|
|    |                       | Nam                 | Nữ         |   |   |                 |  |                      |
| 5  | Nguyễn Thu Hương      |                     | 30/09/1994 | - Cử nhân Luật kinh doanh<br>- Thạc sĩ Luật kinh tế     | - Khoa Luật - Đại học Quốc<br>gia Hà Nội<br>- Đại học Mở Hà Nội | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 6  | Lê Tuấn Linh          | 01/11/1996          |            | Cử nhân Luật hình sự/ Luật                              | Học viện An ninh nhân dân                                       | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 7  | Trần Bảo Ngọc         | 02/03/1996          |            | Cử nhân Luật  | Đại học Kiểm sát Hà Nội   | Tiếng Anh B2    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |
| 8  | Nguyễn Thị Ngọc<br>Tú |                     | 30/11/1997 | Cử nhân Luật  | Đại học Luật Hà Nội   | TOEIC 605       | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                      |

**8.3. Vị trí Quản lý cảng hàng không, sân bay (02 chỉ tiêu): 00 thí sinh**

**9. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không Thọ Xuân (02 chỉ tiêu): 04 thí sinh**

**9.1. Vị trí Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không (01 chỉ tiêu): 04 thí sinh**

|   |                 |            |            |  |                         |                 |  |                  |
|---|-----------------|------------|------------|--|-------------------------|-----------------|--|------------------|
| 1 | Lê Thị Giang    |            | 22/08/1994 | Cử nhân Luật                             | Đại học Vinh            | TOEFL iBT 63    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                  |
| 2 | Nguyễn Văn Linh | 20/06/1987 |            | Cử nhân Luật                             | Đại học Luật Hà Nội     | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                  |
| 3 | Phạm Diệu Linh  |            | 10/09/1996 | Cử nhân Luật                             | Đại học Kiểm sát Hà Nội | Tiếng Anh B1    | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản | Dân tộc<br>Mường |
| 4 | Phạm Thị Trang  |            | 20/07/1998 | Cử nhân Luật thương mại quốc tế/<br>Luật | Đại học Ngoại thương    | Tiếng Anh bậc 4 | Ứng dụng công nghệ<br>thông tin cơ bản |                  |

**9.2. Vị trí Quản lý cảng hàng không, sân bay (01 chỉ tiêu): 00 thí sinh**

**10. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không Vinh (02 chỉ tiêu): 07 thí sinh**

**10.1. Vị trí Giám sát An toàn hàng không (01 chỉ tiêu): 03 thí sinh**

| TT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh |    | Trình độ chuyên môn<br>(chuyên ngành/<br>ngành đào tạo)        | Tên trường  | Ngoại ngữ       | Tin học                             | Đối tượng<br>ưu tiên |
|----|-------------------|---------------------|----|--|---|-----------------|-------------------------------------|----------------------|
|    |                   | Nam                 | Nữ |  |   |                 |                                     |                      |
| 1  | Nguyễn Đình Ngọc  | 30/04/1997          |    | Kỹ sư Hệ thống điện/ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử          | Đại học Điện lực  | TOEIC 600       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 2  | Dương Thanh Phong | 17/12/1995          |    | Kỹ sư Hệ thống điện/ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử          | Đại học Điện lực  | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                      |
| 3  | Lê Quang Thành    | 09/12/1991          |    | - Cử nhân Công nghệ thông tin<br>- Thạc sĩ Công nghệ thông tin | - Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội<br>- Đại học Vinh | Tiếng Anh bậc 3 | Thạc sĩ Công nghệ thông tin         |                      |

**10.2. Vị trí Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không (01 chỉ tiêu): 04 thí sinh**

|   |                      |            |            |                                       |                     |                 |                                     |                                |
|---|----------------------|------------|------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh |            | 01/02/1997 | Thạc sĩ Luật dân sự và tổ tụng dân sự | Đại học Luật Hà Nội | IELTS 6.0       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                                |
| 2 | Hồ Viết Đức          | 03/12/1994 |            | Cử nhân Luật                          | Đại học Vinh        | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                                |
| 3 | Phạm Bá Trung Đức    | 01/10/1997 |            | Cử nhân Luật kinh tế                  | Đại học Vinh        | Tiếng Anh bậc 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản |                                |
| 4 | Phan Vũ Linh         | 03/04/1995 |            | Cử nhân Luật                          | Đại học Vinh        | TOEIC 535       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự |



Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC  
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NĂM 2022**

| TT | Vị trí<br>việc làm                | Danh mục tài liệu   |
|----|-----------------------------------|---|
| 1  | Giám sát<br>An toàn<br>hàng không | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</li><li>2. Pháp lệnh 11/2010/UBTVQH12 ngày 16/3/2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thủ tục bắt giữ tàu bay.</li><li>3. Nghị định 75/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng.</li><li>4. Nghị định 02/2012/NĐ-CP ngày 11/01/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu bay; thủ tục xử lý tàu bay bị bỏ.</li><li>5. Văn bản hợp nhất 12/NĐHN-BQP ngày 25/7/2013 hợp nhất Nghị định về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ do Bộ Quốc phòng ban hành.</li><li>6. Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.</li><li>7. Nghị định 07/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.</li><li>8. Nghị định 96/2021/NĐ-CP ngày 02/11/2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.</li><li>9. Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.</li><li>10. Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.</li><li>11. Nghị định 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.</li><li>12. Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</li><li>13. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT ngày 23/3/2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng do Bộ Giao thông vận tải ban hành.</li></ol> |



ac



| TT | Vị trí việc làm                              | Danh mục tài liệu  |
|----|--|--|
|    |  | <p>14. Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.</p> <p>15. Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p>   |
| 2  | Quản lý cảng hàng không, sân bay             | <p>1. Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 hợp nhất Luật phòng cháy và chữa cháy do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>2. Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Đất đai do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>3. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>4. Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật Xây dựng do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>5. Luật Quy hoạch năm 2017.</p> <p>6. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>7. Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04/5/2021 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.</p> <p>8. Nghị định 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.</p> <p>9. Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>10. Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p> <p>11. Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>12. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT ngày 23/3/2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng do Bộ Giao thông vận tải ban hành.</p> <p>13. Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.</p> <p>14. Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>15. Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p> |
| 3  | Pháp chế - Thanh tra chuyên ngành hàng không | <p>1. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>2. Văn bản hợp nhất số 31/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 hợp nhất Luật xử lý vi phạm hành chính do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p>  |



| TT | Vị trí<br>việc làm  | Danh mục tài liệu  |
|----|---------------------|--|
|    |                     | <p>hành.</p> <p>3. Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>4. Luật Thanh tra năm 2010.</p> <p>5. Luật Khiếu nại năm 2011.</p> <p>6. Luật Tiếp công dân năm 2013.</p> <p>7. Luật Tố cáo năm 2018.</p> <p>8. Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.</p> <p>9. Nghị định 57/2013/NĐ-CP ngày 31/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải.</p> <p>10. Nghị định 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.</p> <p>11. Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>12. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT ngày 23/3/2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng do Bộ Giao thông vận tải ban hành.</p> <p>13. Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>14. Văn bản hợp nhất 200/VBHN-BTP ngày 22/01/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành.</p> <p>15. Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p> |
| 4  | Công nghệ thông tin | <p>1. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 hợp nhất Luật công nghệ thông tin do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>2. Văn bản hợp nhất số 29/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật An toàn thông tin mạng do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>3. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>4. Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>5. Nghị định 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.</p> <p>6. Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về</p>  |

Đ. THON  
C. LANG  
V. G. KH  
I. EN B.  
KHONG



| TT | Vị trí việc làm   | Danh mục tài liệu   |
|----|-------------------|---|
|    |                   | <p>bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.</p> <p>7. Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>8. Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>9. Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.</p> <p>10. Thông tư 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.</p> <p>11. Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p>   |
| 5  | Kế hoạch - Đầu tư | <p>1. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>2. Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật Xây dựng do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>3. Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật Đấu thầu do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>4. Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 hợp nhất Luật Đầu tư công do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>5. Văn bản hợp nhất số 38/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 hợp nhất Luật Đầu tư do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p>6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự năm 2022.</p> <p>7. Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>8. Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>9. Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.</p> <p>10. Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.</p> <p>11. Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>12. Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> |



| TT | Vị trí<br>việc làm | Danh mục tài liệu   |
|----|--------------------|---|
|    |                    | <p>quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p> <p><b>13.</b> Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2021 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành.</p> <p><b>14.</b> Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p><b>15.</b> Quyết định 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu.</p> <p><b>16.</b> Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p>   |
| 6  | Kế toán            | <p><b>1.</b> Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 hợp nhất Luật thuế thu nhập cá nhân do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>2.</b> Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 hợp nhất Luật Hàng không dân dụng Việt Nam do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>3.</b> Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 hợp nhất Luật Kế toán do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>4.</b> Luật Quản lý thuế năm 2019.</p> <p><b>5.</b> Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật Ngân sách nhà nước do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>6.</b> Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 hợp nhất Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>7.</b> Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 hợp nhất Luật Phí và lệ phí do Văn phòng Quốc hội ban hành.</p> <p><b>8.</b> Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 26/5/2015 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p><b>9.</b> Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTC ngày 14/01/2019 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p><b>10.</b> Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.</p> <p><b>11.</b> Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p> <p><b>12.</b> Nghị định 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ</p> |

| TT | Vị trí việc làm | Danh mục tài liệu  |
|----|-----------------|--|
|    |                 | <p>quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p><b>13.</b> Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p><b>14.</b> Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.</p> <p><b>15.</b> Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p><b>16.</b> Các văn bản quy phạm pháp luật khác về vị trí việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.</p> |

### **LƯU Ý:**

1. Tài liệu tham khảo là các văn bản quy phạm pháp luật, thí sinh tra cứu trên các trang mạng thông tin điện tử, cụ thể:

- Công thông tin điện tử Chính phủ (<http://chinhphu.vn>), mục Hệ thống văn bản;
- Trang thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải (<http://mt.gov.vn>), mục Văn bản pháp luật.
- Trang thông tin điện tử Cục Hàng không Việt Nam (<http://caa.gov.vn>), mục Văn bản;
- Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Các trang thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc các trang thông tin điện tử liên quan khác.

2. Thí sinh tham khảo thêm các tài liệu liên quan khác. *ee*